

Bản án số: 26/2022/HS-PT

Ngày: 10 - 01 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Long

*Các Thẩm phán:*

Ông Võ Văn Khoa

Ông Chung Văn Kết

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 499/2020/TLPT-HS ngày 25 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo Lê Thị Bích C và các bị cáo khác.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

***- Các bị cáo có kháng cáo:***

1. **Lê Thị Bích C**, sinh năm 1989 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp L, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh T và bà Võ Thị Ngọc Đ; có chồng là Trang Long T1, quốc tịch Trung Quốc, hiện đang sinh sống tại tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc và 05 con (sinh năm 2011 và 2020); bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 16/4/2005 tại tỉnh Đắk Nông (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 14 tuổi 02 tháng 04 ngày); nơi cư trú: Thôn 9, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn T3 và bà Nguyễn Thị M; bị bắt tạm giam từ ngày 02/10/2019 đến ngày 20/12/2019; bị cáo tại ngoại (có mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thị T:* Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: Thôn 9, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

3. **Dương Thanh C**, sinh năm 1979 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: 1300 đường N, khu phố 2, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Đình C và bà Nguyễn Thị Y (đã chết); có vợ là Lê Thị S và 03 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2019); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2019 (có mặt).

**- Những người bị hại:**

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/4/2005 (bị cáo trong vụ án);

Người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Thị T: Bà Nguyễn Thị M, địa chỉ: Thôn 9, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

2. Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 21/3/2005;

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Nguyễn Văn H1, là cha đẻ của người bị hại (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị M, là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn 9, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

**- Người bào chữa:**

1. *Người bào chữa của bị cáo Lê Thị Bích C:* Ông Phan Văn C, là luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt).

2. *Người bào chữa của bị cáo Dương Thanh C:* Các ông (bà) Nguyễn Tiến M (có mặt), Lê Thị P (vắng mặt), Nguyễn Anh T1 (có mặt), là luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T:* Ông Hoàng Ngọc T2, là Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Nông (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Bích C có quan hệ quen biết với một người đàn ông Trung Quốc tên là H3 (chưa rõ nhân thân lai lịch). H3 có một số người bạn Trung Quốc muốn tìm vợ Việt Nam nên nhờ C tìm xem ai có nhu cầu sang Trung Quốc lấy chồng thì báo với H3.

Khoảng tháng 9/2018, Đặng Thị Thu H lên nhà chị gái chơi thì bà Lê Thị T (tên thường gọi là bà H1 - mẹ chồng của chị gái H) hỏi có muốn lấy chồng Trung Quốc không để bà giới thiệu, đồng thời bà cũng nói cho H biết nếu đồng ý lấy chồng sẽ được 70.000.000đ, tuy nhiên H không có ý kiến gì. Khoảng 02 tháng sau, do cần tiền nên H quyết định đi lấy chồng theo sự giới thiệu của bà H1 trước đó. H chủ động liên hệ với bà H1 và được bà H1 dẫn đến gặp Lê Thị Bích C. Sau khi gặp và trao đổi với C, H được biết nếu lấy chồng Trung Quốc thì sẽ nhận được số tiền 100.000.000đ do người chồng này cho, H đồng ý và ở lại nhà của C để đợi C tìm người giới thiệu.

Trong quá trình ở tại nhà C, H được C cho biết nếu giới thiệu được người đi lấy chồng Trung Quốc thì sẽ được hưởng số tiền 10.000.000đ. Sau khi nghe C nói vậy, H muốn kiếm tiền công giới thiệu nên H đã chủ động nhắn tin cho Nguyễn Thị T rủ đi lấy chồng Trung Quốc. H đưa ra thông tin với nội dung H có mối lấy chồng Trung Quốc, nếu T đồng ý lấy chồng thì sẽ được số tiền 100.000.000đ và 01 cây vàng. Khi nghe H đưa ra thông tin như vậy thì T đồng ý, nhưng T không dám đi một mình. H báo lại sự việc này cho C biết, C nói với H nếu bạn không dám đi một mình thì khi nào bạn xuống nói cha hoặc mẹ đi cùng, khi đi mang theo chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, còn tiền xe đi lại C sẽ lo. Sau đó, C gọi điện cho H3 nói rằng bên C đã tìm được hai người muốn đi lấy chồng Trung Quốc, C hẹn gặp H3 tại siêu thị Lotte Cần Thơ để hai bên gặp gỡ, xem mặt thì H3 đồng ý.

Sau khi nói chuyện với H, T đã nói lại sự việc cho mẹ là bà Nguyễn Thị M biết. Do không yên tâm để T đi một mình, nên ngày 29/5/2019, bà Mão cùng T bắt xe đi xuống bến xe Miền Đông - Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây được Hiếu là lái xe do C thuê đến đón và chở mẹ con T đến siêu thị Lotte Cần thơ để gặp C, H và cho người đàn ông Trung Quốc xem mặt, chọn vợ. Tại siêu thị Lotte, H3 đi cùng 03 người đàn ông Trung Quốc (không rõ nhân thân lai lịch), sau đó C chỉ hai người đàn ông Trung Quốc đi cùng H3 cho H, T biết và nói đây là hai người chọn H, T làm vợ, thì được H, T đồng ý. Sau khi gặp gỡ xem mặt xong, mọi người cùng đi về nhà C, tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Sáng ngày hôm sau C nói bà Võ Thị Ngọc Diệp (mẹ của C, tên thường gọi là bà Sáu) đưa số tiền 1.000.000đ cho bà Mão để về lại Đắc Nông.

Khoảng 03 ngày sau khi gặp gỡ xem mặt, chọn vợ, thì những người đàn ông Trung Quốc này hẹn H, T gặp gỡ và đi mua sắm tại siêu thị Lotte Cần Thơ. C gọi điện thoại cho Thái Sinh N3 (lái xe) chở C, H, T, bà Sáu và hai đứa con của C đi siêu thị Lotte. Tại đây, C và H3 thỏa thuận về số tiền H, T được nhận là 110.000.000 đồng khi đồng ý kết hôn. C sẽ được trả tiền công giới thiệu là 10.000.000 đồng/người, tiền công đi làm thủ tục là 3.000.000 đồng/người, tiền ăn uống sinh hoạt trong thời gian ở nhà C là 250.000 đồng/người/ngày. Tất cả các khoản C phí đi lại, làm thủ tục giấy tờ, thuê khách sạn H3 sẽ là người thanh toán. Sau khi C làm xong các thủ tục thì sẽ chuyển giao người cho H3 để H3 làm các thủ tục tiếp theo để đưa T, H đi sang Trung Quốc lấy chồng. Số tiền hưởng lợi từ

việc giới thiệu, chuyển giao sẽ được H3 C trả sau khi đưa người lên máy bay sang Trung Quốc đi lấy chồng.

Để làm các thủ tục cho H và T đi lấy chồng Trung Quốc, C đã liên hệ với Dương Thanh C để làm thủ tục nhập khẩu cho H, T theo địa chỉ nhà của chị gái C, với mục đích để H xin được giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, còn T làm lại chứng minh nhân dân sửa tuổi từ sinh năm 2005 thành sinh năm 1999, thay đổi các thông tin về quê quán, nơi ở và hộ khẩu thường trú để T đủ tuổi kết hôn với người Trung Quốc. Việc làm các thủ tục này, C được C trả tiền công mỗi người 10.000.000 đồng, C đã chuyển khoản cho C số tiền 20.000.000 đồng qua ngân hàng Agribank C nhánh tỉnh Kiên Giang. Biết được T chưa đủ tuổi để đi lấy chồng Trung Quốc, nhưng để hưởng lợi số tiền từ C, C đã đồng ý làm các thủ tục này. Để làm được thủ tục, C đã nhờ anh Phạm T (Trưởng công xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang) ký giấy chuyển hộ khẩu cho T.

Trong thời gian đợi làm thủ tục đi lấy chồng, T được H cho biết nếu giới thiệu được một người đi lấy chồng Trung Quốc sẽ được hưởng lợi số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, T nhắn tin cho bạn là Nguyễn Thị Cẩm L rủ đi lấy chồng Trung Quốc. T đưa ra thông tin nếu L đồng ý đi lấy chồng Trung Quốc thì sẽ được nhận số tiền 80.000.000 đồng. T tự hạ số tiền xuống còn 80.000.000 đồng với mục đích để hưởng chênh lệch số tiền 10.000.000 đồng, cho H 10.000.000 đồng. Sau khi nghe T nói vậy, L đồng ý, tuy nhiên do không dám đi một mình nên L nói T về đón. T báo lại sự việc này với H. H, C đồng ý và đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng và cho T mượn thêm số tiền 5.000.000 đồng để về đón L. Khoảng 18 giờ ngày 20/6/2019, C nói anh Thái Sinh N3 chở C, H, bà Sáu, T ra bến xe Miền Đông để T mua vé xe về Đắc Nông đón L.

Khi về đến Đắc Nông, T nói với bà Mão về đón bạn xuống để đi lấy chồng Trung Quốc, đồng thời T cũng nói cho bà Mão biết sẽ nhận được tiền công giới thiệu là 10.000.000 đồng nhưng bà Mão không nói gì. Do T không biết đường đi tới nhà L nên đã nhờ bà Mão chỉ đường. Sau khi T và L gặp nhau, do lo sợ và không có tiền, không có quần áo nên L nói với T không muốn đi nữa. Để L an tâm, T gọi điện thoại cho H để L nói chuyện. Qua nói chuyện, H nói với L rằng cứ yên tâm, xuống tới có H với T cũng đi lấy chồng Trung Quốc. Sau khi nói chuyện điện thoại với H thì L đồng ý đi, sau đó T chở L đến chợ Gia Nghĩa, tỉnh Đắc Nông để mua sắm quần áo, giày dép, túi xách cho L. Đến 21 giờ ngày 21/6/2019, T và L bắt xe đi thành phố Hồ Chí Minh, sau đó được đưa về nhà anh N3, tại xã Phú Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Tại đây, T cũng nói với L nếu giới thiệu được thêm ai đi lấy chồng Trung Quốc sẽ được hưởng lợi số tiền 10.000.000 đồng, nhưng L không rủ thêm ai. Đến sáng ngày 23/6/2019, sau khi nghe mọi người nói chuyện là sáng ngày 24/6/2019 sẽ đưa H, T đi làm giấy tờ còn L ở lại, L sợ ở một mình nên đã nói với T cho về, T nói không có tiền nên không về được. Sau đó, L nhắn tin qua mạng xã hội facebook để gia đình đưa L về. Gia đình L đã trình báo sự việc đến Công an.

*Vật chứng, tài liệu của vụ án:* 02 điện thoại di động của Nguyễn Thị Cẩm L và của bà Nguyễn Thị M; 01 điện thoại di động hiệu SamSung, Galaxy A6, màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu đỏ; 01 dây chuyền có mặt hình chữ H bằng kim loại màu vàng; 01 dây chuyền có mặt hình vuông bằng kim loại màu vàng; 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng; 02 giấy mua bán hàng của bị can Đặng Thị Thu H; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu bạc của bị can Nguyễn Thị T; 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh của bị can Lê Thị Bích C; số tiền 30.000.000 đồng của Dương Thanh C khắc phục hậu quả.

*Về phần dân sự:* Người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Thị T không có yêu cầu gì. Gia đình bị hại Nguyễn Thị Cẩm L yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng là phí để gia đình đi tìm L trong 03 ngày kể từ ngày 23/6/2019 đến 26/6/2019.

Đối với đối tượng H3, căn cứ vào tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đối tượng H3 có liên quan trực tiếp đến việc môi giới, tuyển mộ cho những người Trung Quốc có nhu cầu sang Việt Nam xem mặt, chọn vợ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã làm các thủ tục tương trợ tư pháp gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao để ủy thác cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành thu thập các chứng cứ, tài liệu có liên quan, tách hành vi của đối tượng để tiếp tục điều tra làm rõ.

Đối với Nguyễn Thị M, do nhận thức pháp luật còn hạn chế, là người dân tộc thiểu số nên khi nghe Đặng Thị Thu H đưa ra thông tin như trên, Nguyễn Thị T đã xin bà Mảo đi lấy chồng Trung Quốc nên bà Mảo đồng ý, mặc dù biết T chưa đủ tuổi kết hôn. Hành vi của bà Mảo không xúi giục, không nhằm mục đích hưởng lợi nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với Phạm Ty, trưởng công xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Quá trình điều tra xác định ông T chính là người đã ký vào đơn xin cắt khẩu với lý lịch không đúng cho Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, quá trình điều tra không có căn cứ để xác định ông T nhận tiền hoặc tài sản khác để giúp Dương Thanh C các thủ tục nêu trên. Ngoài ra mục đích của việc C làm giấy tờ thì ông T không biết. Do vậy, không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với Lê Thị T (bà H1), quá trình điều tra xác định T đã có hành vi môi giới, giới thiệu Đặng Thị Thu H cho Lê Thị Bích C đi lấy chồng Trung Quốc nhằm hưởng lợi số tiền công giới thiệu là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc giới thiệu, môi giới có sự đồng ý của H, không lừa gạt, dụ dỗ, H cũng đã đủ tuổi kết hôn. Vì vậy không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Thái Sinh N3 (là lái xe do C thuê) mặc dù đã đồng ý với C cho T, H đến ở tại nhà mình. Tuy nhiên, giữa C và N3 không thỏa thuận gì, N3 không được hưởng lợi gì từ C và cũng không biết C chứa chấp T, H để chuyển giao đi lấy chồng Trung Quốc nên không xem xét xử lý hình sự.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, đã tuyên xử:*

1. Tuyên bố:

- Các bị cáo Lê Thị Bích C, Nguyễn Thị T, Dương Thanh C phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 151; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự: Xử phạt Lê Thị Bích C 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 151; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Thị T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2019 đến ngày 20/12/2019.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 151; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự, xử phạt Dương Thanh C 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 17/10/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đặng Thị Thu H; biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/8/2020, bị cáo Dương Thanh C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19/8/2020, bị cáo Lê Thị Bích C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 25/8/2020, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin được miễn trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Thị Bích C, Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Riêng bị cáo Dương Thanh C thay đổi yêu cầu kháng cáo kêu oan.

*Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu:*

Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù bị cáo Dương Thanh C kêu oan cho rằng không biết được mục đích của bị cáo Lê Thị Bích C khi nhờ bị cáo làm giấy tờ. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại đơn xin nộp tiền có chữ ký của luật sư thể hiện bị cáo C biết việc người bị hại T dưới 16 tuổi nhưng vẫn sửa tuổi cho T từ năm sinh 2005 lên thành sinh năm 1999 để đủ tuổi lấy chồng Trung Quốc. Do đó cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Mua bán người

dưới 16 tuổi” là có căn cứ, đúng người, đúng tội không oan, vì thế đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Dương Thanh C.

Đối với bị cáo Lê Thị Bích C, tại phiên tòa xuất trình được thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới đó là tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 02 triệu đồng được nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên mức hình phạt 12 năm tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là mức án thấp nhất của khung hình phạt nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị Bích C.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T, khi phạm tội bị cáo mới 14 tuổi 02 tháng, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật và xã hội hạn chế. Bị cáo cũng đồng thời là nạn nhân, tham gia vụ án với vai trò thứ yếu, chưa có tiền án tiền sự. Do đó để giáo dục trẻ vị thành niên phạm tội và căn cứ vào nhân thân của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị T.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị Bích C nêu quan điểm:* Thống nhất về tội danh mà cấp sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên mức án 12 năm tù mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Thị Bích C là quá nghiêm khắc vì bị cáo phạm tội chưa đạt, khi phạm tội là phụ nữ đang mang thai và hiện nay có 05 con nhỏ, lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2020, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp số tiền 2.000.000 đồng mà cấp sơ thẩm tuyên buộc bồi thường cho người bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thị Bích C, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T nêu quan điểm:* Thống nhất với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đối với bị cáo Nguyễn Thị T vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khi phạm tội bị cáo mới hơn 14 tuổi, phạm tội chưa đạt, hậu quả chưa xảy ra, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

*Các luật sư bào chữa cho bị cáo Dương Thanh C cho rằng:* bị cáo không tiếp nhận được ý chí của bị cáo C vì không biết được mục đích của C khi nhờ bị cáo C nhập hộ khẩu, thay đổi thông tin cá nhân, vì thế bị cáo C chỉ vi phạm về trật tự quản lý hành chính mà không đồng phạm với bị cáo C.

Các bị cáo thống nhất như quan điểm bào chữa của Luật sư.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do quen biết với một người đàn ông Trung Quốc tên H3 có bạn muốn lấy vợ là người Việt Nam nên C đưa ra thông tin với Đặng Thị Thu H nếu tuyển mộ được một người phụ nữ đi lấy chồng Trung Quốc sẽ được hưởng lợi số tiền 10.000.000 đồng, từ đó giúp H tuyển mộ T, giúp H và T tuyển mộ L. Bị cáo cũng là người tiếp nhận, chứa chấp các bị hại, liên hệ với Dương Thanh C làm giả thủ tục, giấy tờ với mục đích để chuyển giao T, L cho đối tượng H3 để H3 làm các thủ tục xuất cảnh cho T, L đi lấy chồng Trung Quốc.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H, H đã nhắn tin tuyển mộ Nguyễn Thị T, đồng thời giúp sức cho Nguyễn Thị T tuyển mộ Nguyễn Thị Cẩm L nhằm mục đích chuyển giao cho C để được hưởng lợi tiền công tuyển mộ.

Bị cáo Nguyễn Thị T là người lôi kéo, tuyển mộ Nguyễn Thị Cẩm L đi lấy chồng Trung Quốc để chuyển giao cho C nhằm hưởng lợi.

Dương Thanh C là người giúp sức cho C trong việc nhập hộ khẩu, sửa năm sinh, thông tin cá nhân để C làm các thủ tục, giấy tờ cho Nguyễn Thị T đủ điều kiện đi lấy chồng Trung Quốc nhằm hưởng số tiền 20.000.000 đồng.

Khi các đối tượng dụ dỗ, tác động lợi ích vật chất với mục đích để đưa sang Trung Quốc lấy chồng, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Cẩm L chưa đủ 16 tuổi.

[2] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Dương Thanh C thay đổi yêu cầu kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt sang kêu oan cho rằng mình không phạm tội. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra (BL 670 – BL 715) và tại đơn xin nộp tiền có chữ ký của luật sư (BL 716) thể hiện bị cáo C biết việc người bị hại T dưới 16 tuổi nhưng vẫn sửa tuổi cho T từ năm sinh 2005 lên thành sinh năm 1999 để đủ tuổi đi lấy chồng Trung Quốc. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Dương Thanh C xác nhận lời khai tại cơ quan điều tra không bị mớm cung, ép cung, nhục hình. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của bị cáo Dương Thanh C tại cơ quan điều tra là khách quan, tin cậy, phù hợp với lời khai của bị cáo Lê Thị Bích C, phù hợp với các tình tiết khách quan khác của vụ án. Do đó hành vi giúp sức cho Lê Thị Bích C, nhập hộ khẩu cho người khác và thay đổi thông tin cá nhân của họ nhằm mục đích để Lê Thị Bích C làm các thủ tục để Nguyễn Thị T đi lấy chồng Trung Quốc. Khi sửa tuổi cho Nguyễn Thị T thì T là người chưa đủ 16 tuổi vì thế thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” quy định tại Điều 151 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan. Vì thế không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Dương Thanh C. Tuy nhiên cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo C theo điểm a khoản 1 Điều 151 Bộ luật hình sự là thiếu chính xác, vì hành vi của bị cáo là đồng phạm với bị cáo C. Hành vi của bị cáo Lê Thị Bích C thuộc trường hợp tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi chuyển giao hoặc tiếp



nhận để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích khác theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 151 Bộ luật hình sự. Do đó Hội đồng xét xử sửa tình tiết phạm tội này đối với bị cáo Dương Thanh C.

Đối với bị cáo Lê Thị Bích C tại phiên tòa phúc thẩm đã thừa nhận diễn biến hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm nhận định. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội là phụ nữ có thai và hiện tại đang nuôi 05 con còn nhỏ (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2020); phạm tội chưa đạt. Do đó bị cáo đủ điều kiện để được xem xét mức hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, nên kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T, khi phạm tội bị cáo mới 14 tuổi 02 tháng, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật và xã hội hạn chế, đã bồi thường khắc phục hậu quả. Bị cáo cũng là nạn nhân, tham gia vụ án với vai trò thứ yếu, chưa có tiền án tiền sự, hậu quả tác động đến tâm sinh lý của đối với người bị hại Nguyễn Thị Cẩm L không lớn vì phạm tội trong trường hợp chưa đạt. Do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị T là phù hợp với mục đích của hình phạt và nguyên tắc xử lý đối với người dưới 16 tuổi quy định tại Điều 31 và Điều 91 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nên kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Bản án hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Lê Thị Bích C, Nguyễn Thị T bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Cẩm L mỗi bị cáo số tiền 2.000.000 đồng. Các bị cáo C, T đã thực hiện nộp tại Cục Thi hành án tỉnh Đắk Nông, do đó sau khi bản án có hiệu lực pháp luật gia đình bị hại Nguyễn Thị Cẩm L được quyền liên hệ với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông để nhận số tiền nêu trên.

[3] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Dương Thanh C không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị Bích C, Nguyễn Thị T được Hội đồng xét xử chấp nhận

[6] Quan điểm kết luận giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Dương Thanh C phải chịu theo luật định.

Do kháng cáo của bị cáo Lê Thị Bích C, Nguyễn Thị T được chấp nhận một phần nên không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị Bích C và bị cáo Nguyễn Thị T.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về hình phạt đối với các bị cáo Lê Thị Bích C và Nguyễn Thị T.

*Tuyên xử:*

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 151; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 15; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Lê Thị Bích C 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 151; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 3 Điều 57; Điều 15; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Nguyễn Thị T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 10/01/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Dương Thanh C.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về hình phạt đối với bị cáo Dương Thanh C.

*Tuyên xử:*

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 151; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Dương Thanh C 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 17/10/2019.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Thanh C phải chịu 300.000 đồng.

Các bị cáo Lê Thị Bích C và bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Nông;
- (Tổng đạt cho bị cáo) (2);
- UBND xã T,
- huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;
- BCTN (2);
- Bị hại (2);
- NLQ (1);
- Lưu (6). HS (2) 22b (Án 36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Long**